

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2025/ST-HNGĐ
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
“V/v: Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hào và bà La Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐ-HPT ngày 28/11/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Cao Thị Bích N** – Sinh ngày: 12/4/1986 – Số Căn cước công dân: 040186020986 - Trú tại: Thôn Đ, xã T, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh **Mai Văn K** – Sinh ngày: 07/10/1981 – Số Căn cước công dân: 040081033767 - Trú tại: Thôn V, xã A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

* *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn B – Sinh năm: 1985 (Em anh K) - Trú tại: Thôn K 3, xã A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị Bích N vắng mặt, tuy nhiên tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Cao Thị Bích N trình bày:

Chị Cao Thị Bích N và anh Mai Văn K đăng ký kết hôn ngày 26/11/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn

là do tính cách không hợp nhau. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không quan tâm nhau nên chị Cao Thị Bích N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Mai Văn K.

Về con chung: Không có con chung; Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa, bị đơn anh Mai Văn K vắng mặt, tuy nhiên thông qua người làm chứng là anh Nguyễn Văn B, anh K có ý kiến như sau:*

Hiện tại vợ chồng anh Mai Văn K và chị Cao Thị Bích N không còn tình cảm với nhau, chị Cao Thị Bích N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Mai Văn K cũng đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung: Không có con chung; Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại phiên tòa, người làm chứng anh Nguyễn Văn B vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh B đã khai:*

Anh Nguyễn Văn B và anh Mai Văn K là anh em họ, mẹ anh K và mẹ anh B là hai chị em ruột. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Mai Văn K có trao đổi với anh B và nhờ anh B đến Tòa án nhận các văn bản tố tụng do Tòa án giao và nhờ anh B báo với Tòa án nội dung: Nay chị Cao Thị Bích N yêu cầu ly hôn với anh Mai Văn K thì anh K cũng đồng ý ly hôn với chị N, do anh K hiện tại đang đi làm ăn xa không về được nên anh K đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh K. Về con chung: Không có con chung; Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Nghệ An phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và có đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Cao Thị Bích N được ly hôn anh Mai Văn K; Về con chung: Không; Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị Cao Thị Bích N phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn cư trú tại xã A, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Cao Thị Bích N và anh Mai Văn K tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh K. Trong quá trình giải quyết vụ án, thông qua anh Nguyễn Văn B là em họ của anh K thì anh K có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị N và anh K đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án có căn cứ để xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Tuy nhiên, giữa chị N và anh K đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh K là chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị N.

[2.2] *Về con chung*: Chị Cao Thị Bích N và anh Mai Văn K không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ*: Chị Cao Thị Bích N và anh Mai Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] *Về án phí*: Chị Cao Thị Bích N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng**: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Cao Thị Bích N được ly hôn với anh Mai Văn K.

- **Về án phí:** Chị Cao Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0000840 ngày 06/10/2025 tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 9 - Nghệ An).

- **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 9 – Nghệ An;
- Phòng THADS Khu vực 9 - Nghệ An;
- UBND xã T, tỉnh Nghệ An (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

